

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I - 2014
vào ngày 31 tháng 3 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I - Năm nay	Quý I - Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I - Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I - Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	19.332.078.182	6.852.558.183	19.332.078.182	6.852.558.183
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(13.558.992.733)	(1.388.136.516)	(13.558.992.733)	(1.388.136.516)
20	3. Lợi nhuận gộp		5.773.085.449	5.464.421.667	5.773.085.449	5.464.421.667
21	4. Doanh thu tài chính		12.159.998	17.060.637	12.159.998	17.060.637
22	5. Chi phí tài chính		(375.000.000)	(375.000.001)	(375.000.000)	(375.000.001)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(375.000.000)	(375.000.001)	(375.000.000)	(375.000.001)
24	6. Chi phí bán hàng		(1.146.089.332)	(632.149.695)	(1.146.089.332)	(632.149.695)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(4.556.934.794)	(6.434.737.591)	(4.556.934.794)	(6.434.737.591)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(292.778.679)	(1.960.404.983)	(292.778.679)	(1.960.404.983)
31	9. Thu nhập khác		594.786.212	2.196.895.681	594.786.212	2.196.895.681
32	10. Chi phí khác		(2)	(2)	(2)	(2)
40	11. Lợi nhuận khác	23	594.786.210	2.196.895.681	594.786.210	2.196.895.681
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		302.007.531	236.490.698	302.007.531	236.490.698
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành			(59.122.675)		(59.122.675)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24	(66.441.657)		(66.441.657)	
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế		235.565.874	177.368.023	235.565.874	177.368.023
70	15. Lãi trên cổ phiếu	20.3	2	1.4	2	1.4

Phạm Thị Mỹ Phương
Người lập

Ngô Thúy Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2014